

**CÔNG TY CỔ PHẦN BRIGHT HOLDINGS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BRIGHT HOLDINGS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BRIGHT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109349656

**3. Ngày thành lập:** 22/09/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

số 5, ngõ Trung Tiền, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                        | 7020(Chính) |
| 2.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                        | 7320        |
| 3.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310        |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                       | 8230        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                             | 4649        |
| 6.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                               | 4690        |
| 7.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4771        |
| 8.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                       | 4772        |

|     |                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>- Logistics<br>- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu                 | 5229 |
| 10. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Khách sạn<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                             | 5510 |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                  | 4101 |
| 12. | Xây dựng nhà không để ở<br>Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng                                                                                                                         | 4102 |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                             | 4311 |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                  | 4312 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                              | 4321 |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước<br>- Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hòa không khí                          | 4322 |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                     | 4329 |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                     | 4330 |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết:<br>- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)<br>- Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác | 5610 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI DUY TIẾN  | Thôn 4, Xã Định Công, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông         | 50.000     | 500.000.000           | 25,000    | 174080240                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số                   | 50.000     | 500.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ HỮU TRƯỜNG | thôn Ông Hảo, Xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông         | 100.000    | 1.000.000.000         | 50,000    | 033090006741                                                                                |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số                   | 100.000    | 1.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |              |                                                                 |                           |        |             |        |           |
|---|--------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|-----------|
| 3 | VŨ THỊ CHINH | Thôn An Ấp, Xã An Ấp, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 50.000 | 500.000.000 | 25,000 | 152054011 |
|   |              |                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |              |                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |              |                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |              |                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |              |                                                                 | Tổng số                   | 50.000 | 500.000.000 | 25,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ HỮU TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 05/12/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033090006741

Ngày cấp: 29/06/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Ông Hảo, Xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: thôn Ông Hảo, Xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội